TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-11-2023
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Ngọc Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Huỳnh Lệ Uyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 về "Tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 135/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần A,** sinh năm 1988 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp II, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn S,** sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2023 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần A trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn S do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 25 tháng 6 năm 2020. Sau ngày cưới vợ chồng thuê nhà trọ tại xã H để buôn bán. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị và anh S không còn sống chung từ tháng 02 năm 2023 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn S.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Trần T, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2011 và Trần N, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2013 hiện đang sống với chị A. Trong giấy khai sinh của cháu T và cháu N chỉ có họ tên mẹ Trần A, không có họ tên cha do khi sinh cháu T và cháu N chị và anh S chưa đăng ký kết hôn nên anh S không làm giấy khai sinh cho con được. Sau khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh Sang:***

Anh Nguyễn S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long nhưng hiện anh Sang không có mặt tại địa phương, đi không trình báo với chính quyền địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh S cố tình không hợp tác.

**** Ý kiến của cháu Trần T, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2011 và Trần N, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2013 trình bày:*** Khi cha mẹ ly hôn hai cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: giấy chứng nhận kết hôn bản chính, 02 giấy khai sinh bản sao, bảng khai ý kiến của cháu Trần T, bảng khai ý kiến của cháu Trần N đơn xin xác nhận bản gốc, đơn xin vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn S không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên anh S không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Vào ngày 05 tháng 9 năm 2023 Tòa án đã tiến hành xác minh ông Phan N là Trưởng ấp II, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo ông N trình bày thì chị Trần A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp II, xã H huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Chị Trần A và anh Nguyễn S là vợ chồng có hai con chung là Trần T, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2011 và Trần N, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2013 hiện đang sống với chị A. Ông không biết chị A và anh S còn sống chung hay không

nhưng hiện chị A và hai con đang sống ở nhà mẹ ruột tại ấp II, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Cùng ngày 05 tháng 9 năm 2023 Tòa án đã tiến hành xác minh bà Đinh D, sinh năm 1963 trú tại: ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long là mẹ ruột của anh Nguyễn S. Theo bà D trình bày thì chị A và anh S có tổ chức lễ cưới nhưng vào năm nào thì bà không nhớ. Sau ngày cưới thì chị A và anh S sống chung gia đình bà. Trong quá trình chung sống chị A và anh S có 02 con chung là Trần T, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2011 và Trần N, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2013. Bà D trình bày do khi sinh con chị A và anh S chưa đăng ký kết hôn nên khai sinh theo họ mẹ. Nhưng bà khẳng định cháu Trần T và cháu Trần N là con chung của anh S và chị A. Anh S vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long nhưng hiện anh S đi làm ăn không có mặt tại địa phương. Việc chị A nộp đơn xin ly hôn với anh S thì bà không có ý kiến. Các văn bản của Tòa án gởi cho anh S bà đã thông báo cho anh S biết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm phát biểu quan điểm: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án, từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục.

Hướng giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 88 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần A

- Về hôn nhân: Cho chị Trần A được ly hôn với anh Nguyễn S.

- Về con chung: Giao cháu Trần T, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2011 và Trần N, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2013 cho chị Trần A nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu anh Nguyễn S phải cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

- Các khoản nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Buộc chị Trần A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh

Nguyễn S. Anh S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử anh Nguyễn S cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, anh S biết chị A yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án, ngày 20 tháng 9 năm 2023 chị A có đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S, chị A theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trần A và anh Nguyễn S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 25 tháng 6 năm 2020. Theo lời trình bày của chị A thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã mất hạnh phúc, hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị A yêu cầu ly hôn với anh S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Chị Trần A xác định chị và anh Sang có 02 con chung là Trần T, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2011 và Trần N, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2013 hiện đang sống với chị A Sau khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu N.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong giấy khai sinh của cháu T và cháu N chỉ có họ tên mẹ Trần A, không có họ tên cha do khi sinh cháu T và cháu N chị A và anh S chưa đăng ký kết hôn nên con theo họ chị. Mặc đù, anh S không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến trình bày nhưng Tòa án đã tiến hành xác minh mẹ ruột của anh Sang là bà Đinh D và bà D khẳng định cháu T và cháu N là con chung của anh Svà chị A. Nên có căn cứ xác định cháu Trần T và Trần N là con chung của chị Trần A và anh Nguyễn S. Do đó, khi ly hôn giao cháu Trần T và Trần N cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Tuyền và cháu N và phù hợp với Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị A không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Tài sản chung: Chị Trần A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Trần A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Trần A nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83,88 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần A.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần A được ly hôn với anh Nguyễn S.

[2] Con chung: Giao cháu Trần T, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2011 và Trần N, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2013 cho chị Trần A nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu anh Nguyễn S phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn S có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Trần A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trần A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Trần A nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0009686 ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị An đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Tuyền